



## PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 23142.20



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM  
Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM  
Tên mẫu : SỮA CHUA UỐNG TIỆT TRÙNG HƯƠNG CAM – VINAMILK SUSU  
Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-SCUTT-32  
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu  
Lượng mẫu : 01 chai x 80 mL  
Ngày nhận mẫu : 10/11/2020  
Người gửi mẫu : Lâm Kỳ Phương  
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

### KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

| Stt | Chỉ tiêu                      | Phương pháp                                  | Kết quả      | Ngày kiểm nghiệm |
|-----|-------------------------------|----------------------------------------------|--------------|------------------|
| 1   | Enterobacteriaceae            | HD.PP.18.01/TT.VS (TCVN 5518-2:2007) (b) (d) | < 1 CFU /mL  | 11/11/2020       |
| 2   | <i>Listeria monocytogenes</i> | HD.PP.09.03/TT.VS (TCVN 7700-2:2007) (d)     | < 10 CFU /mL | 11/11/2020       |

#### Ghi chú:

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.

- Khách hàng cung cấp tên chính thức ngày 23/11/2020.

- (b) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Y tế chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.

- (d) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Công Thương chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.

- < 1 CFU /mL; < 10 CFU /mL : được xem như không phát hiện.

**25-11-2020**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày .....

**TU. VIỆN TRƯỞNG**

**GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN**



**Ts. Hoàng Hoài Phương**

Số: **025890** /VYTCC



## PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 23143.20



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM  
Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM  
Tên mẫu : SỮA CHUA UỐNG TIỆT TRÙNG HƯƠNG CAM – VINAMILK SUSU  
Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-SCUTT-32  
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu  
Lượng mẫu : 01 chai x 80 mL  
Ngày nhận mẫu : 10/11/2020  
Người gửi mẫu : Lâm Kỳ Phương  
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

### KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

| Stt | Chỉ tiêu        | Phương pháp                  | Kết quả                              | Ngày kiểm nghiệm |
|-----|-----------------|------------------------------|--------------------------------------|------------------|
| 1   | Arsen (As) tổng | HD.PP.16/TT.AAS:2019 (b) (d) | Không phát hiện<br>MLOD = 0,01 mg/kg | 13/11/2020       |
| 2   | Cadimi (Cd)     | HD.PP.16/TT.AAS:2019 (b) (d) | Không phát hiện<br>MLOD = 0,01 mg/kg | 13/11/2020       |
| 3   | Thủy ngân (Hg)  | HD.PP.16/TT.AAS:2019 (d)     | Không phát hiện<br>MLOD = 0,01 mg/kg | 13/11/2020       |
| 4   | Chì (Pb)        | HD.PP.16/TT.AAS:2019 (b) (d) | Không phát hiện<br>MLOD = 0,01 mg/kg | 13/11/2020       |
| 5   | Antimon (Sb)    | HD.PP.16/TT.AAS:2019 (a)     | Không phát hiện<br>MLOD = 0,01 mg/kg | 13/11/2020       |

#### Ghi chú:

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.

- Khách hàng cung cấp tên chính thức ngày 23/11/2020.

- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.

- (b) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Y tế chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.

- (d) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Công Thương chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.

**25-11-2020**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày .....  
**TU. VIỆN TRƯỞNG**  
**GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN**



**Ts. Hoàng Hoài Phương**

Đ/C: 159 Hưng Phú, Phường 8, Quận 8, TP. Hồ Chí Minh



Số: **025891** /VYTCC



## PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 23144.20



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM  
Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM  
Tên mẫu : SỮA CHUA UỐNG TIẾT TRÙNG HƯƠNG CAM – VINAMILK SUSU  
Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-SCUTT-32  
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu  
Lượng mẫu : 01 chai x 80 mL  
Ngày nhận mẫu : 10/11/2020  
Người gửi mẫu : Lâm Kỳ Phương  
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

### KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

| Stt | Chỉ tiêu     | Phương pháp                                | Kết quả                              | Ngày kiểm nghiệm |
|-----|--------------|--------------------------------------------|--------------------------------------|------------------|
| 1   | Melamine     | TCVN 9048:2012 (ISO/TS 15495:2010) (b) (d) | Không phát hiện<br>MLOD = 0,05 mg/kg | 11/11/2020       |
| 2   | Aflatoxin M1 | HD.PP.03-1/TT.SK                           | Không phát hiện<br>MLOD = 0,1 µg/kg  | 13/11/2020       |

#### Ghi chú:

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.

- Khách hàng cung cấp tên chính thức ngày 23/11/2020.

- (b) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Y tế chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.

- (d) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Công Thương chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **25-11-2020**  
TU. VIỆN TRƯỞNG  
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN



Ts. Hoàng Hoài Phương

Số: **025883** /VYTCC



## PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 23136.20



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM  
Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM  
Tên mẫu : SỮA CHUA UỐNG TIỆT TRÙNG HƯƠNG CAM – VINAMILK SUSU  
Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-SCUTT-32  
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu  
Lượng mẫu : 01 chai x 80 mL  
Ngày nhận mẫu : 10/11/2020  
Người gửi mẫu : Lâm Kỳ Phương  
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

### KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

| Stt | Chỉ tiêu                           | Phương pháp                                                                                     | Kết quả                            | Ngày kiểm nghiệm |
|-----|------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|------------------|
| 1   | Clenbuterol                        | Ref. CLG-AGON1.08                                                                               | Không phát hiện<br>MLOD = 10 µg/kg | 11/11/2020       |
| 2   | Cyfluthrin                         | HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (a)                                                  | Không phát hiện<br>MLOD = 30 µg/kg | 13/11/2020       |
| 3   | L-Cyhalothrin (Cyhalothrin)        | HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (a)                                                  | Không phát hiện<br>MLOD = 10 µg/kg | 13/11/2020       |
| 4   | Deltamethrin                       | HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (a)                                                  | Không phát hiện<br>MLOD = 20 µg/kg | 13/11/2020       |
| 5   | Cypermethrin và alpha-Cypermethrin | HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (a)                                                  | Không phát hiện<br>MLOD = 40 µg/kg | 13/11/2020       |
| 6   | Benzylpenicillin                   | Ref. J.Agric.Food Chem, Vol 63 (2015)                                                           | Không phát hiện<br>MLOD = 1 µg/kg  | 12/11/2020       |
| 7   | Procain benzylpenicilin            | Ref. J.Agric.Food Chem, Vol 63 (2015)                                                           | Không phát hiện<br>MLOD = 1 µg/kg  | 12/11/2020       |
| 8   | Clortetracyclin                    | HD.PP.21/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 995.09 & Ref. Application Note, 2009, 5990-3816 EN, Agilent) (a) | Không phát hiện<br>MLOD = 15 µg/kg | 11/11/2020       |
| 9   | Oxytetracyclin                     | HD.PP.21/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 995.09 & Ref. Application Note, 2009, 5990-3816 EN, Agilent) (a) | Không phát hiện<br>MLOD = 15 µg/kg | 11/11/2020       |

| Stt | Chỉ tiêu                 | Phương pháp                                                                                     | Kết quả                            | Ngày kiểm nghiệm |
|-----|--------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|------------------|
| 10  | Tetracyclin              | HD.PP.21/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 995.09 & Ref. Application Note, 2009, 5990-3816 EN, Agilent) (a) | Không phát hiện<br>MLOD = 15 µg/kg | 11/11/2020       |
| 11  | Dihydrostreptomycin      | HD.PP.87/TT.SK:2019 (Ref. CLG-AMG4.02) (a)                                                      | Không phát hiện<br>MLOD = 30 µg/kg | 11/11/2020       |
| 12  | Streptomycin             | HD.PP.87/TT.SK:2019 (Ref. CLG-AMG4.02) (a)                                                      | Không phát hiện<br>MLOD = 30 µg/kg | 11/11/2020       |
| 13  | Gentamicin               | HD.PP.87/TT.SK:2019 (Ref. CLG-AMG4.02) (a)                                                      | Không phát hiện<br>MLOD = 30 µg/kg | 11/11/2020       |
| 14  | Spiramycin               | HD.PP.142/TT.SK:2019 (Ref. J.Agric.Food Chem, 2015, 5133-5140) (a)                              | Không phát hiện<br>MLOD = 7 µg/kg  | 12/11/2020       |
| 15  | Ceftiofur                | HD.PP.142/TT.SK:2019 (Ref. J.Agric.Food Chem, 2015, 5133 - 5140) (a)                            | Không phát hiện<br>MLOD = 7 µg/kg  | 12/11/2020       |
| 16  | Lincomycin               | Ref. J.Agric.Food Chem, Vol 63 (2015)                                                           | Không phát hiện<br>MLOD = 3 µg/kg  | 12/11/2020       |
| 17  | Neomycin                 | HD.PP.87/TT.SK:2019 (Ref. CLG-AMG4.02) (a)                                                      | Không phát hiện<br>MLOD = 30 µg/kg | 11/11/2020       |
| 18  | Pirlimycin               | HD.PP.142/TT.SK:2019 (Ref. J.Agric.Food Chem, 2015, 5133-5140) (a)                              | Không phát hiện<br>MLOD = 7 µg/kg  | 12/11/2020       |
| 19  | Spectinomycin            | HD.PP.87/TT.SK:2019 (Ref. CLG-AMG4.02) (a)                                                      | Không phát hiện<br>MLOD = 30 µg/kg | 11/11/2020       |
| 20  | Sulfadimidin             | HD.PP.142/TT.SK:2019 (Ref. J.Agric.Food Chem, 2015, 5133-5140) (a)                              | Không phát hiện<br>MLOD = 7 µg/kg  | 12/11/2020       |
| 21  | Diminazen                | Ref. J.AOAC, Vol 86, (2003)                                                                     | Không phát hiện<br>MLOD = 10 µg/kg | 12/11/2020       |
| 22  | Doramectin               | Ref. CLG-MRM1.05                                                                                | Không phát hiện<br>MLOD = 3 µg/kg  | 17/11/2020       |
| 23  | Eprinomectin             | Ref. CLG-MRM1.05                                                                                | Không phát hiện<br>MLOD = 3 µg/kg  | 17/11/2020       |
| 24  | Febantel                 | Ref. CLG-MRM1.05                                                                                | Không phát hiện<br>MLOD = 3 µg/kg  | 17/11/2020       |
| 25  | Fenbendazole             | Ref. CLG-MRM1.05                                                                                | Không phát hiện<br>MLOD = 3 µg/kg  | 17/11/2020       |
| 26  | Oxfendazole              | Ref. CLG-MRM1.05                                                                                | Không phát hiện<br>MLOD = 3 µg/kg  | 17/11/2020       |
| 27  | Imidocarb                | Ref. AOAC 2007.01                                                                               | Không phát hiện<br>MLOD = 3 µg/kg  | 17/11/2020       |
| 28  | Isometamidium            | Ref. J.Chroma.B, 879 (2011)                                                                     | Không phát hiện<br>MLOD = 10 µg/kg | 12/11/2020       |
| 29  | Ivermectin               | Ref. CLG-MRM1.05                                                                                | Không phát hiện<br>MLOD = 3 µg/kg  | 17/11/2020       |
| 30  | Thiabendazole            | Ref. CLG-MRM1.05                                                                                | Không phát hiện<br>MLOD = 3 µg/kg  | 17/11/2020       |
| 31  | Trichlorfon (Metrifonat) | Ref. AOAC 2007.01                                                                               | Không phát hiện<br>MLOD = 3 µg/kg  | 17/11/2020       |

**Mã số mẫu: 23136.20**

**Ghi chú:**

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- Khách hàng cung cấp tên chính thức ngày 23/11/2020.
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **25-11-2020**  
**TUQ. VIỆN TRƯỞNG**  
**GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN**



**Ts. Hoàng Hoài Phương**





## PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 23137.20



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM  
Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM  
Tên mẫu : SỮA CHUA UỐNG TIỆT TRÙNG HƯƠNG CAM - VINAMILK SUSU  
Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-SCUTT-32  
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu  
Lượng mẫu : 01 chai x 80 mL  
Ngày nhận mẫu : 10/11/2020  
Người gửi mẫu : Lâm Kỳ Phương  
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

### KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

| Stt | Chỉ tiêu            | Phương pháp                                    | Kết quả                                | Ngày kiểm nghiệm |
|-----|---------------------|------------------------------------------------|----------------------------------------|------------------|
| 1   | Cyfluthrin          | HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (a) | Không phát hiện<br>MLOD = 0,003 mg/kg  | 13/11/2020       |
| 2   | Chlorpyrifos-methyl | Ref. AOAC 2007.01                              | Không phát hiện<br>MLOD = 0,005 mg/kg  | 13/11/2020       |
| 3   | Diclorvos           | HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01)     | Không phát hiện<br>MLOD = 0,005 mg/kg  | 17/11/2020       |
| 4   | Dimethoate          | Ref. AOAC 2007.01                              | Không phát hiện<br>MLOD = 0,005 mg/kg  | 17/11/2020       |
| 5   | Ethephon            | Ref. EURL-SRM, Version 8.1 (2015)              | Không phát hiện<br>MLOD = 0,01 mg/kg   | 18/11/2020       |
| 6   | Lindan              | HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (a) | Không phát hiện<br>MLOD = 0,005 mg/kg  | 13/11/2020       |
| 7   | Methidathion        | Ref. AOAC 2007.01                              | Không phát hiện<br>MLOD = 0,0005 mg/kg | 17/11/2020       |
| 8   | DDT                 | Ref. AOAC 2007.01                              | Không phát hiện<br>MLOD = 0,005 mg/kg  | 13/11/2020       |
| 9   | Diazinon            | HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (a) | Không phát hiện<br>MLOD = 0,005 mg/kg  | 13/11/2020       |
| 10  | Piperonyl butoxide  | Ref. AOAC 2007.01                              | Không phát hiện<br>MLOD = 0,005 mg/kg  | 17/11/2020       |
| 11  | Deltamethrin        | HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (a) | Không phát hiện<br>MLOD = 0,01 mg/kg   | 13/11/2020       |
| 12  | Bifenthrin          | HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (a) | Không phát hiện<br>MLOD = 0,04 mg/kg   | 13/11/2020       |

**Mã số mẫu: 23137.20**

| Stt | Chỉ tiêu                | Phương pháp                                    | Kết quả                                 | Ngày kiểm nghiệm |
|-----|-------------------------|------------------------------------------------|-----------------------------------------|------------------|
| 13  | Disulfoton              | Ref. AOAC 2007.01                              | Không phát hiện<br>MLOD = 0,005 mg/kg   | 13/11/2020       |
| 14  | Fipronil                | Ref. AOAC 2007.01                              | Không phát hiện<br>MLOD = 0,01 mg/kg    | 13/11/2020       |
| 15  | Fenprothrin             | HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (a) | Không phát hiện<br>MLOD = 0,0005 mg/kg  | 13/11/2020       |
| 16  | Fenvalerate             | HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (a) | Không phát hiện<br>MLOD = 0,02 mg/kg    | 13/11/2020       |
| 17  | Permethrin              | HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (a) | Không phát hiện<br>MLOD = 0,02 mg/kg    | 13/11/2020       |
| 18  | Phorate                 | Ref. AOAC 2007.01                              | Không phát hiện<br>MLOD = 0,002 mg/kg   | 13/11/2020       |
| 19  | Aldrin và dieldrin      | HD.PP.141/TT.SK                                | Không phát hiện<br>MLOD = 0,001 mg/kg   | 13/11/2020       |
| 20  | Chlordane               | HD.PP.141/TT.SK                                | Không phát hiện<br>MLOD = 0,0005 mg/kg  | 13/11/2020       |
| 21  | Diphenylamin            | HD.PP.141/TT.SK                                | Không phát hiện<br>MLOD = 0,0001 mg/kg  | 17/11/2020       |
| 22  | Fenpyroximate           | HD.PP.141/TT.SK                                | Không phát hiện<br>MLOD = 0,002 mg/kg   | 17/11/2020       |
| 23  | Heptachlor              | HD.PP.141/TT.SK                                | Không phát hiện<br>MLOD = 0,002 mg/kg   | 13/11/2020       |
| 24  | Abamectin               | Ref. CLG-MRM1.05                               | Không phát hiện<br>MLOD = 0,004 mg/kg   | 17/11/2020       |
| 25  | Acephate                | Ref. AOAC 2007.01                              | Không phát hiện<br>MLOD = 0,005 mg/kg   | 17/11/2020       |
| 26  | Aminopyralid            | Ref. AOAC 2007.01                              | Không phát hiện<br>MLOD = 0,01 mg/kg    | 17/11/2020       |
| 27  | Amitraz                 | Ref. AOAC 2007.01                              | Không phát hiện<br>MLOD = 0,005 mg/kg   | 17/11/2020       |
| 28  | 2,4-D (Dichlorophenoxy) | Ref. AOAC 2007.01                              | Không phát hiện<br>MLOD = 0,005 mg/kg   | 17/11/2020       |
| 29  | Bentazone               | Ref. AOAC 2007.01                              | Không phát hiện<br>MLOD = 0,005 mg/kg   | 17/11/2020       |
| 30  | Bifenazate              | Ref. AOAC 2007.01                              | Không phát hiện<br>MLOD = 0,005 mg/kg   | 17/11/2020       |
| 31  | Bitertanol              | Ref. AOAC 2007.01                              | Không phát hiện<br>MLOD = 0,005 mg/kg   | 17/11/2020       |
| 32  | Chlorpyrifos            | HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (a) | Không phát hiện<br>MLOD = 0,01 mg/kg    | 13/11/2020       |
| 33  | Carbendazim             | Ref. AOAC 2007.01                              | Không phát hiện<br>MLOD = 0,005 mg/kg   | 17/11/2020       |
| 34  | Carbosulfan             | Ref. AOAC 2007.01                              | Không phát hiện<br>MLOD = 0,01 mg/kg    | 17/11/2020       |
| 35  | Chlormequat             | Ref. AOAC 2007.01                              | Không phát hiện<br>MLOD = 0,01 mg/kg    | 11/11/2020       |
| 36  | Chlorpropham            | Ref. AOAC 2007.01                              | Không phát hiện<br>MLOD = 0,00025 mg/kg | 17/11/2020       |
| 37  | Clethodim               | Ref. AOAC 2007.01                              | Không phát hiện<br>MLOD = 0,01 mg/kg    | 17/11/2020       |
| 38  | Clofentezine            | Ref. AOAC 2007.01                              | Không phát hiện<br>MLOD = 0,01 mg/kg    | 17/11/2020       |

Đ/C: 159 Hưng phú, Phường 8, Quận 8, TP.Hồ Chí Minh



| Stt | Chỉ tiêu            | Phương pháp                       | Kết quả                                | Ngày kiểm nghiệm |
|-----|---------------------|-----------------------------------|----------------------------------------|------------------|
| 39  | Cyhexatin           | Ref. AOAC 2007.01                 | Không phát hiện<br>MLOD = 0,025 mg/kg  | 17/11/2020       |
| 40  | Cyprodinil          | Ref. AOAC 2007.01                 | Không phát hiện<br>MLOD = 0,0002 mg/kg | 17/11/2020       |
| 41  | Cyromazin           | Ref. AOAC 2007.01                 | Không phát hiện<br>MLOD = 0,005 mg/kg  | 17/11/2020       |
| 42  | Difenoconazole      | Ref. AOAC 2007.01                 | Không phát hiện<br>MLOD = 0,0025 mg/kg | 17/11/2020       |
| 43  | Dimethenamid-p      | Ref. AOAC 2007.01                 | Không phát hiện<br>MLOD = 0,005 mg/kg  | 17/11/2020       |
| 44  | Dimethipin          | Ref. AOAC 2007.01                 | Không phát hiện<br>MLOD = 0,005 mg/kg  | 13/11/2020       |
| 45  | Dimethomorph        | Ref. AOAC 2007.01                 | Không phát hiện<br>MLOD = 0,005 mg/kg  | 17/11/2020       |
| 46  | Diquat              | Ref. EURL-SRM, Version 8.1 (2015) | Không phát hiện<br>MLOD = 0,003 mg/kg  | 11/11/2020       |
| 47  | Ethoprophos         | Ref. AOAC 2007.01                 | Không phát hiện<br>MLOD = 0,005 mg/kg  | 17/11/2020       |
| 48  | Fenamiphos          | Ref. AOAC 2007.01                 | Không phát hiện<br>MLOD = 0,0025 mg/kg | 17/11/2020       |
| 49  | Fenbuconazole       | Ref. AOAC 2007.01                 | Không phát hiện<br>MLOD = 0,005 mg/kg  | 17/11/2020       |
| 50  | Fenbutatin oxide    | Ref. AOAC 2007.01                 | Không phát hiện<br>MLOD = 0,025 mg/kg  | 17/11/2020       |
| 51  | Fenpropimorph       | Ref. AOAC 2007.01                 | Không phát hiện<br>MLOD = 0,005 mg/kg  | 17/11/2020       |
| 52  | Fludioxonil         | Ref. AOAC 2007.01                 | Không phát hiện<br>MLOD = 0,005 mg/kg  | 17/11/2020       |
| 53  | Flutolanil          | Ref. AOAC 2007.01                 | Không phát hiện<br>MLOD = 0,005 mg/kg  | 17/11/2020       |
| 54  | Glufosinat-ammonium | Ref. EUL-SRM, Version 8.1 (2015)  | Không phát hiện<br>MLOD = 0,01 mg/kg   | 17/11/2020       |
| 55  | Imidacloprid        | Ref. AOAC 2007.01                 | Không phát hiện<br>MLOD = 0,01 mg/kg   | 17/11/2020       |
| 56  | Indoxacarb          | Ref. AOAC 2007.01                 | Không phát hiện<br>MLOD = 0,05 mg/kg   | 17/11/2020       |
| 57  | Kresoxim-methyl     | Ref. AOAC 2007.01                 | Không phát hiện<br>MLOD = 0,005 mg/kg  | 17/11/2020       |
| 58  | Methamidophos       | Ref. AOAC 2007.01                 | Không phát hiện<br>MLOD = 0,005 mg/kg  | 17/11/2020       |
| 59  | Methoxyfenozide     | Ref. AOAC 2007.01                 | Không phát hiện<br>MLOD = 0,005 mg/kg  | 17/11/2020       |
| 60  | Myclobutanil        | Ref. AOAC 2007.01                 | Không phát hiện<br>MLOD = 0,005 mg/kg  | 17/11/2020       |
| 61  | Novaluron           | Ref. AOAC 2007.01                 | Không phát hiện<br>MLOD = 0,05 mg/kg   | 17/11/2020       |
| 62  | Oxydemeton-methyl   | Ref. AOAC 2007.01                 | Không phát hiện<br>MLOD = 0,005 mg/kg  | 17/11/2020       |
| 63  | Paraquat            | Ref. EURL-SRM, version 8.1 (2015) | Không phát hiện<br>MLOD = 0,0015 mg/kg | 11/11/2020       |
| 64  | Penconazole         | Ref. AOAC 2007.01                 | Không phát hiện<br>MLOD = 0,005 mg/kg  | 17/11/2020       |

| Stt | Chỉ tiêu          | Phương pháp       | Kết quả                               | Ngày kiểm nghiệm |
|-----|-------------------|-------------------|---------------------------------------|------------------|
| 65  | Pirimicarb        | Ref. AOAC 2007.01 | Không phát hiện<br>MLOD = 0,005 mg/kg | 17/11/2020       |
| 66  | Pirimiphos-methyl | Ref. AOAC 2007.01 | Không phát hiện<br>MLOD = 0,005 mg/kg | 13/11/2020       |
| 67  | Prochloraz        | Ref. AOAC 2007.01 | Không phát hiện<br>MLOD = 0,005 mg/kg | 17/11/2020       |
| 68  | Profenofos        | Ref. AOAC 2007.01 | Không phát hiện<br>MLOD = 0,005 mg/kg | 17/11/2020       |
| 69  | Propamocarb       | Ref. AOAC 2007.01 | Không phát hiện<br>MLOD = 0,005 mg/kg | 17/11/2020       |
| 70  | Propiconazole     | Ref. AOAC 2007.01 | Không phát hiện<br>MLOD = 0,005 mg/kg | 17/11/2020       |
| 71  | Pyraclostrobin    | Ref. AOAC 2007.01 | Không phát hiện<br>MLOD = 0,005 mg/kg | 17/11/2020       |
| 72  | Pyrimethanil      | Ref. AOAC 2007.01 | Không phát hiện<br>MLOD = 0,005 mg/kg | 17/11/2020       |
| 73  | Quinoxifen        | Ref. AOAC 2007.01 | Không phát hiện<br>MLOD = 0,005 mg/kg | 17/11/2020       |
| 74  | Spinosad          | Ref. AOAC 2007.01 | Không phát hiện<br>MLOD = 0,005 mg/kg | 17/11/2020       |
| 75  | Tebuconazole      | Ref. AOAC 2007.01 | Không phát hiện<br>MLOD = 0,005 mg/kg | 17/11/2020       |
| 76  | Tebufenozide      | Ref. AOAC 2007.01 | Không phát hiện<br>MLOD = 0,005 mg/kg | 17/11/2020       |
| 77  | Terbufos          | Ref. AOAC 2007.01 | Không phát hiện<br>MLOD = 0,005 mg/kg | 17/11/2020       |
| 78  | Thiacloprid       | Ref. AOAC 2007.01 | Không phát hiện<br>MLOD = 0,005 mg/kg | 17/11/2020       |
| 79  | Triadimefon       | Ref. AOAC 2007.01 | Không phát hiện<br>MLOD = 0,005 mg/kg | 17/11/2020       |
| 80  | Triadimenol       | Ref. AOAC 2007.01 | Không phát hiện<br>MLOD = 0,005 mg/kg | 17/11/2020       |
| 81  | Trifloxystrobin   | Ref. AOAC 2007.01 | Không phát hiện<br>MLOD = 0,01 mg/kg  | 17/11/2020       |
| 82  | Vinclozolin       | Ref. AOAC 2007.01 | Không phát hiện<br>MLOD = 0,04 mg/kg  | 13/11/2020       |
| 83  | Dicofol           | Ref. AOAC 2007.01 | Không phát hiện<br>MLOD = 0,02 mg/kg  | 13/11/2020       |
| 84  | Diflubenzuron     | Ref. AOAC 2007.01 | Không phát hiện<br>MLOD = 0,005 mg/kg | 17/11/2020       |
| 85  | Famoxadone        | Ref. AOAC 2007.01 | Không phát hiện<br>MLOD = 0,005 mg/kg | 17/11/2020       |
| 86  | Fenhexamid        | Ref. AOAC 2007.01 | Không phát hiện<br>MLOD = 0,002 mg/kg | 17/11/2020       |
| 87  | Flumethrin        | Ref. AOAC 2007.01 | Không phát hiện<br>MLOD = 0,01 mg/kg  | 17/11/2020       |
| 88  | Flusilazole       | Ref. AOAC 2007.01 | Không phát hiện<br>MLOD = 0,005 mg/kg | 17/11/2020       |
| 89  | Methoprene        | Ref. AOAC 2007.01 | Không phát hiện<br>MLOD = 0,02 mg/kg  | 13/11/2020       |
| 90  | Propargite        | Ref. AOAC 2007.01 | Không phát hiện<br>MLOD = 0,005 mg/kg | 17/11/2020       |

Mã số mẫu: 23137.20

| Stt | Chỉ tiêu        | Phương pháp                                    | Kết quả                               | Ngày kiểm nghiệm |
|-----|-----------------|------------------------------------------------|---------------------------------------|------------------|
| 91  | Cypermethrin    | HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (a) | Không phát hiện<br>MLOD = 0,01 mg/kg  | 13/11/2020       |
| 92  | Dithiocarbamate | Ref. CRL, Version 2 (2009)                     | Không phát hiện<br>MLOD = 0,01 mg/kg  | 13/11/2020       |
| 93  | Endosulfan      | HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (a) | Không phát hiện<br>MLOD = 0,003 mg/kg | 13/11/2020       |
| 94  | Aldicarb        | HD.PP.134-1/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (a) | Không phát hiện<br>MLOD = 0,005 mg/kg | 17/11/2020       |
| 95  | Carbaryl        | HD.PP.134-1/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (a) | Không phát hiện<br>MLOD = 0,005 mg/kg | 17/11/2020       |
| 96  | Carbofuran      | HD.PP.134-1/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (a) | Không phát hiện<br>MLOD = 0,005 mg/kg | 17/11/2020       |
| 97  | Methomyl        | HD.PP.134-1/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (a) | Không phát hiện<br>MLOD = 0,005 mg/kg | 17/11/2020       |
| 98  | Oxamyl          | HD.PP.134-1/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (a) | Không phát hiện<br>MLOD = 0,005 mg/kg | 17/11/2020       |

**Ghi chú:**

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.

- Khách hàng cung cấp tên chính thức ngày 23/11/2020.
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.

**25-11-2020**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày .....  
**TU. VIỆN TRƯỞNG**  
**GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN**



**Ts. Hoàng Hoài Phương**